

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc ban hành Bảng giá tính thuế tài nguyên khoáng sản  
trên địa bàn tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU**

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân ngày 03/12/2004;

Căn cứ Luật Thuế tài nguyên ngày 25/11/2009, Nghị định số 50/2010/NĐ-CP ngày 14/5/2010 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thuế tài nguyên, Thông tư số 105/1010/TT-BTC ngày 23/7/2010 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thuế tài nguyên và hướng dẫn thi hành Nghị định số 50/2010/NĐ-CP ngày 14/5/2010 của Chính phủ;

Căn cứ Luật khoáng sản ngày 17/11/2010 và Nghị định số 203/2013/NĐ-CP ngày 28/11/2013 của Chính phủ quy định về phương pháp tính, mức thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản;

Theo đề nghị của Liên Sở: Tài nguyên và Môi trường – Tài chính – Cục Thuế tỉnh tại Tờ trình số: 258 /TTyLS – TNMT-TC-CT ngày 26/02/2015 về việc đề nghị ban hành Bảng giá tính thuế tài nguyên khoáng sản, hệ số quy đổi khoáng sản trên địa bàn tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành Bảng giá tính thuế tài nguyên khoáng sản trên địa bàn tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu như sau:

TT	Loại khoáng sản	Đơn vị tính	Giá tính thuế tài nguyên
1	Nước khoáng uống đóng chai	đồng/m <sup>3</sup>	500.000
2	Nước khoáng ngâm tắm trị bệnh, phục vụ du lịch	đồng/m <sup>3</sup>	6.000

TT	Loại khoáng sản	Đơn vị tính	Giá tính thuế tài nguyên
3	Bùn khoáng thô	đồng/tấn	800.000
4	Puzolan	đồng/m <sup>3</sup>	110.000
5	Đá làm VLXD thông thường, đá chế biến thủ công	đồng/m <sup>3</sup>	100.000
6	Đá khối (Đá khối dùng để xuất khẩu, dùng làm đá ốp lát; Đá khối không đưa vào chế biến gia công của doanh nghiệp mà dùng làm nguyên liệu cho tổ chức, cá nhân khác)	đồng/m <sup>3</sup>	2.000.000
7	Sét gạch ngói	đồng/m <sup>3</sup>	35.000
8	Cát xây dựng	đồng/m <sup>3</sup>	90.000
9	Cát thủy tinh	đồng/m <sup>3</sup>	150.000
10	Cát san lấp (bao gồm cát nhiễm mặn)	đồng/m <sup>3</sup>	45.000
11	Các loại đất, đất lãn đá... làm vật liệu san lấp, đắp nền còn lại	đồng/m <sup>3</sup>	30.000
12	Than bùn	đồng/tấn (ướt)	150.000

**Điều 2.** Giá tính thuế tài nguyên khoáng sản theo Quyết định này chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng và là cơ sở để:

1. Tổ chức, cá nhân khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu kê khai, tính thuế tài nguyên khoáng sản và tính tiền cấp quyền khai thác khoáng sản theo quy định.

2. Cơ quan Thuế tính toán, xác định mức thu và tổ chức thu thuế tài nguyên khoáng sản của các tổ chức, cá nhân.

3. Sở Tài nguyên và Môi trường phối hợp với các cơ quan chức năng tính, thẩm định số tiền cấp quyền khai thác khoáng sản của tổ chức, cá nhân, trình UBND Tỉnh phê duyệt.

**Điều 3.**

1. Khi giá bán thực tế các loại khoáng sản có biến động tăng hoặc giảm %

20% trở lên so với giá tính thuế theo quyết định này, giao Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với Cục Thuế, Sở Tài nguyên và Môi trường và các cơ quan có liên quan xây dựng phương án giá tính thuế tài nguyên trình UBND Tỉnh xem xét, điều chỉnh cho phù hợp.

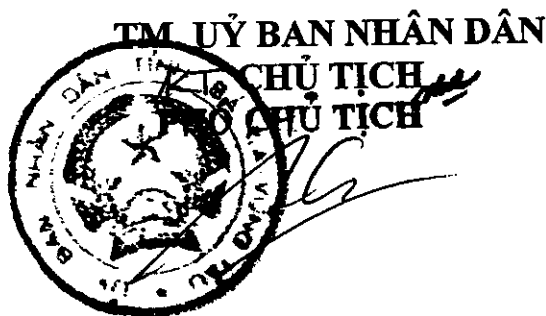
2. Quyết định này áp dụng đối với: Tổ chức, cá nhân khai thác tài nguyên nhưng không bán ra; hoặc không thực hiện đầy đủ chế độ sổ sách kế toán, chứng từ kế toán theo quy định; Tổ chức, cá nhân nộp thuế tài nguyên theo phương pháp ấn định hoặc trường hợp loại tài nguyên xác định được sản lượng ở khâu khai thác nhưng do mô hình tổ chức, khai thác, sàng tuyển, tiêu thụ qua nhiều khâu độc lập nên không có đủ căn cứ để xác định giá bán tài nguyên khai thác; Các trường hợp giá bán tài nguyên khai thác thấp hơn giá tính thuế tài nguyên do UBND cấp tỉnh quy định.

**Điều 4.** Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày kể từ ngày ký. Quyết định này thay thế Quyết định số 88/2008/QĐ-UBND ngày 31/12/2008 và Quyết định số 1202/2006/QĐ-UBND ngày 17/4/2006 của UBND tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

**Điều 5.** Chánh văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Tài nguyên và Môi trường, Tài chính, Xây dựng, Công Thương; Cục trưởng Cục thuế tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này. /s/

**Nơi nhận:**

- Như Điều 5;
- Văn phòng Chính phủ;
- Website Chính phủ;
- Bộ Tư pháp (Cục Kiểm tra văn bản);
- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Bộ Tài chính;
- TTr. Tỉnh ủy, TTr. HĐND tỉnh;
- VP Đoàn ĐBQH Tỉnh; UBMTTQ Việt Nam và các đoàn thể cấp tỉnh;
- Sở Tư pháp;
- Trung tâm công báo Tỉnh;
- Đài PTTH, Báo BRVT;
- Lưu VT, TH. *Tr, Sx*



**Trần Ngọc Thới**